

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT  
V/v báo cáo kết quả vốn sự nghiệp  
thực hiện Hợp phần ổn định đời  
sống dân cư theo Quyết định số  
923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017

Bình Định, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 2247/BNN-KH ngày 13/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả vốn sự nghiệp thực hiện Hợp phần ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện như sau:

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành Hợp phần ổn định đời sống dân cư**

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn thực hiện “Hợp phần ổn định đời sống dân cư” theo Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tại Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 về việc phê duyệt Dự án Rà soát, bổ sung Quy hoạch bố trí dân cư các vùng nguy cơ thiên tai tỉnh Bình Định giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành các Quyết định phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn năm 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

**2. Kết quả vốn sự nghiệp thực hiện Hợp phần ổn định đời sống dân cư**

a) Hỗ trợ theo Quyết định số 1776/QĐ-TT ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số dự án triển khai thực hiện giai đoạn 2016-2020: 16 dự án, phương án (trong đó: 12 dự án tập trung và 04 phương án xen ghép); quy mô: 2.420 hộ.

Tổng vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn vốn Ngân sách Trung ương) được phân bổ là: 11.490 triệu đồng; lũy kế vốn đã thanh toán đến hết 31/12/2020: 8.470 triệu đồng; tỷ lệ giải ngân đạt 73,72%. Cụ thể:

(i) Dự án tập trung: Giai đoạn trung hạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh triển khai bố trí, ổn định dân cư cho 12 dự án<sup>1</sup>, với tổng vốn được phân bổ là 5.540 triệu đồng; lũy kế vốn đã thanh toán: 3.500 triệu đồng;

(ii) Phương án xen ghép: Triển khai thực hiện 04 phương án xen ghép<sup>2</sup> tại 04 huyện, thị xã, với tổng vốn được phân bổ là 5.950 triệu đồng; lũy kế vốn đã thanh toán: 4.970 triệu đồng.

b) Hỗ trợ theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TT ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Không.

*(Kèm theo Phụ lục kết quả thực hiện nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Hợp phần ổn định đời sống dân cư)*

UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- CT, PCTTT N. T. Thanh;
- Sở Tài chính, Sở NN và PTNT;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

---

<sup>1</sup> Huyện Hoài Ân (Khu TĐC xã Ân Thạnh; Khu TĐC xã Ân Tín); Huyện An Lão (Khu TĐC dân vùng thiên tai Gò Núi Một, xã An Tân); Thị xã Hoài Nhơn (Khu TĐC vùng thiên tai Bàu Rong, TT Bồng Sơn; Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Hoài Hải - giai đoạn 1,2; Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Hoài Hương); Huyện Phù Mỹ (Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ Thọ; Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ Đức; Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ An - giai đoạn 1,2); Huyện Phù Cát (Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Cát Tiến); Huyện Tuy Phước (Khu TĐC vùng thiên tai xã Phước Thuận); TP Quy Nhơn (Khu TĐC vùng thiên tai xã Nhơn Hải).

<sup>2</sup> Huyện Hoài Ân; Huyện Phù Mỹ; Huyện Phù Cát; Thị xã Hoài Nhơn.

**Phụ lục:**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN HỢP PHẦN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ**

Thuộc Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư  
theo Quyết định số 923/QĐ-TTg giai đoạn 2016-2020

*ĐVT: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Quy mô (hộ)	Số vốn theo QĐ đầu tư hoặc QĐ phê duyệt dự toán (tr.đ)		Lũy kế số vốn hàng năm đã giao (tr.đ)						Lũy kế số vốn đã thanh toán (tr.đ)		Tỷ lệ giải ngân (%)	Số vốn còn lại đã giao nhưng chưa hủy (tr.đ)	Số hộ đã bố trí, sắp xếp ổn định (hộ)	Ghi chú
			Ban đầu	Điều chỉnh	Tổng số	2020	2019	2018	2017	Trước 2017 (nếu có)	Tổng số	Sau 31/12/2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=12/6	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>															
	<b>HỖ TRỢ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1776/QĐ-TTG NGÀY 21/11/2012</b>	<b>2.420</b>			<b>11.490</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>3.500</b>	<b>4.990</b>	<b>8.470</b>	<b>8.470</b>	<b>73,72</b>	<b>0</b>	<b>246</b>	
<b>A</b>	<b>Dự án tập trung</b>	<b>2.318</b>			<b>5.540</b>	<b>160</b>	<b>720</b>	<b>860</b>	<b>1.540</b>	<b>2.260</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>			<b>175</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>	<b>204</b>			<b>260</b>				<b>120</b>	<b>140</b>	<b>160</b>	<b>160</b>			<b>8</b>	
1	Khu tái định cư vùng thiên tai xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	100									80	80			4	
2	Khu tái định cư vùng thiên tai xã Ân Tín, huyện Hoài Ân	104									80	80			4	
<b>II</b>	<b>Huyện An Lão</b>	<b>200</b>			<b>580</b>		<b>280</b>		<b>300</b>		<b>280</b>	<b>280</b>			<b>14</b>	
3	Khu TĐC dân vùng thiên tai Gò Núi Một, xã An Tân, huyện An Lão	200									280	280			14	
<b>III</b>	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>693</b>			<b>1.020</b>		<b>400</b>	<b>60</b>	<b>80</b>	<b>480</b>	<b>780</b>	<b>780</b>			<b>39</b>	
4	Dự án TĐC vùng thiên tai Bàu Rong, TT Bồng Sơn, TX Hoài Nhơn	160									500	500			25	

5	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Hoài Hải, TX Hoài Nhơn (giai đoạn 1,2)	404								220	220			11
6	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Hoài Hương, TX Hoài Nhơn	129								60	60			3
<b>IV</b>	<b>Huyện Phù Mỹ</b>	<b>874</b>			<b>1.360</b>			<b>400</b>	<b>400</b>	<b>560</b>	<b>1.300</b>	<b>1.300</b>		<b>65</b>
7	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ	209								560	560			28
8	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	213								640	640			32
9	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ (giai đoạn 1,2)	452								100	100			5
<b>V</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>	<b>92</b>			<b>820</b>		<b>40</b>	<b>80</b>	<b>300</b>	<b>400</b>	<b>520</b>	<b>520</b>		<b>26</b>
10	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Cát Tiến, huyện Phù Cát	92								520	520			26
<b>VI</b>	<b>Huyện Tuy Phước</b>	<b>110</b>			<b>940</b>			<b>220</b>	<b>340</b>	<b>380</b>	<b>140</b>	<b>140</b>		<b>7</b>
11	Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	110								140	140			7
<b>VII</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>	<b>145</b>			<b>560</b>	<b>160</b>		<b>100</b>		<b>300</b>	<b>320</b>	<b>320</b>		<b>16</b>
12	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Nhơn Hải, TP.Quy Nhơn (giai đoạn 1)	145								<b>320</b>	320			16
<b>B</b>	<b>Phương án xen ghép</b>	<b>102</b>			<b>5.950</b>	<b>840</b>	<b>280</b>	<b>140</b>	<b>1.960</b>	<b>2.730</b>	<b>4.970</b>	<b>4.970</b>		<b>71</b>
1	Thị xã Hoài Nhơn	14			<b>280</b>				280		490	490		7
2	Huyện Hoài Ân	49			<b>2.380</b>				280	2.100	1.750	1.750		25
3	Huyện Phù Mỹ	11			<b>770</b>				770		770	770		11
4	Huyện Phù Cát	28			<b>2.520</b>	840	280	140	630	630	1.960	1.960		28